

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30/7/2021

*V/vLy hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Hữu Truyền**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Cà Nguyễn Duyên**

2. Ông **Vi Thanh Cầm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lục Thị Ánh Nguyệt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Ánh Dương** - kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/7/2021 và ngày 30/7/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29/01/2020 về việc ly hôn, nuôi con chung.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Hoàng Văn S** - sinh năm 1981

Địa chỉ: C, xã Q, huyện B, tỉnh B. có mặt

- Bị đơn: Chị **Hoàng Thị H** - sinh năm 1991

Địa chỉ hiện nay: Saitammaken HiKi - Gun Namegawa - Chooa sahaneeo 4947- Banchi6- Nhật Bản. Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

\* Người làm chứng:

1. Ông **Hoàng Văn H** - sinh năm 1961. Vắng mặt

2. Bà **Nguyễn Thị H** - sinh năm 1971. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: C, xã Nam Mẫu, huyện B, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn S và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Anh S và chị Hoàng Thị H kết hôn năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày 17/10/2010.

Hai vợ chồng có con chung là cháu Hoàng Diệu T - sinh ngày 28/6/2010.

Đến năm 2015, chị Hoàng Thị H đi xuất khẩu lao động với thời hạn 01 năm, trong thời gian đó hai vợ chồng vẫn liên lạc với nhau nhưng kết thúc thời hạn lao động chị H không trở về địa phương và hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan tâm đến nhau, đến nay tình cảm vợ chồng không còn.

Anh S đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Hoàng Thị H.

- Về con chung: cháu Hoàng Diệu T - sinh ngày 28/6/2010, hiện nay sinh sống cùng với anh S.

Khi ly hôn anh S yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, khoản nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

**2.** Chị Hoàng Thị H có ý kiến trình bày trong các văn bản ngày đề ngày 11/8/2020 và trong đơn đề nghị về việc giải quyết hôn nhân:

Chị H và anh S kết hôn năm 2010 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q.

Năm 2015 chị H đi xuất khẩu lao động với thời hạn 01 năm và tiếp tục lao động tại Nhật Bản cho đến nay.

Chị H đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải và thời điểm ấn định mở phiên tòa.

Ý kiến của chị H như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hoàng Văn S

- Về con chung: con chung là cháu Hoàng Diệu T - sinh ngày 28/6/2010, hiện nay sinh sống cùng với anh S.

Do hiện nay đang lao động tại Nhật Bản chưa có điều kiện nuôi con, khi ly hôn thống nhất với ý kiến của anh S về người trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: nhất trí với ý kiến của anh S.

- Tài sản chung, khoản nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại văn bản ngày 07/7/2021, chị Hoàng Thị H và bố mẹ đẻ là ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H có trao đổi nội dung qua Zalo có mặt những người chứng kiến theo quy định với nội dung xác nhận các văn bản đã gửi cho Tòa án là của chị Hoàng Thị H và chị Hoàng Thị H trình bày nhất trí ly hôn với anh Hoàng Văn S.

Về con chung: nhất trí giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng,

không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị Hoàng Thị H.

Các Quyết định, Bản án đề nghị Tòa án giao cho ông Hoàng Văn H là bố đẻ của chị H để ông H gửi cho chị Hoàng Thị H.

**3.** Những người làm chứng ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H (là bố mẹ đẻ của chị Hoàng Thị H) tại văn bản ngày 07/7/2021 trình bày: Chị Hoàng Thị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ năm 2015 với thời hạn là 01 năm, hết thời hạn chị H ở lại Nhật Bản Tộc trường hợp lao động bất hợp pháp, do vậy nơi làm, nơi làm việc của chị H thường xuyên thay đổi.

Vợ chồng ông H thường xuyên liên lạc với chị Hoàng Thị H thông qua Zalo có tên "Risa" và trao đổi thông tin, giấy tờ có thể thông qua địa chỉ mail là "hoanghiemjp@gmail.com).

Về quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng Văn S và chị Hoàng Thị H có mâu thuẫn, ông H có trao đổi với chị H và chị H đã có văn bản gửi cho Tòa án đề ngày 11/8/2020 và các văn bản khác gửi cho Tòa án.

Hiện nay cháu Hoàng Diệu T đang sinh sống trực tiếp cùng với anh Hoàng Văn S, anh S không đánh đập, hành hạ, không vi phạm các quyền lợi của cháu T và đề nghị anh S tạo điều kiện chăm nom cháu T.

**4.** Tại biên bản xác minh tại UBND xã Q ngày 07/7/2021:

UBND xã Q đã cử ông Hoàng Dương Kiệm - cán bộ văn H xã hội cung cấp thông tin như sau:

- Chị Hoàng Thị H đi xuất khẩu lao động từ khoảng năm 2015, UBND xã nắm được thông tin được chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, về thủ tục hợp đồng lao động không thông qua UBND xã.

- Từ khi đi xuất khẩu lao động chị Hoàng Thị H chưa lần nào quay trở về địa phương.

- Hiện nay cháu Hoàng Diệu T - sinh ngày 28/6/2010 sinh sống cùng với anh Hoàng Văn S, anh Hoàng Văn S không có hành vi ngược đãi, không có hành vi xâm phạm quyền và lợi ích của cháu T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đề nghị:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng thẩm phán cơ bản đã chấp hành các quy định tại các điều 48 như: Xử lý đơn khởi kiện, thụ lý vụ án, lập hồ sơ vụ án, triệu tập người tham gia phiên tòa...

Đối với việc tổ chức phiên họp hòa giải và thời gian mở phiên tòa: Tại văn bản thông báo về việc thụ lý vụ án tòa án ấn định thời gian mở phiên họp hòa giải sớm hơn 03 tháng và ngày mở phiên tòa sớm hơn 05 tháng so với quy định tại khoản 2 Điều 467 BLTTDS. Nhưng xét thấy các bên đương sự đều thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy vẫn đảm bảo được quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự.

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách tham gia tố tụng: Căn cứ điều khoản 3 điều 35, 37/BLTTDS Tòa án tỉnh B thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định và xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng theo quy định tại điều 68/BLTTDS.

- Về việc xác minh T thập chứng cứ: Tại 02 văn bản nêu ý kiến mang tên Hoàng Thị H gửi về từ Nhật Bản đều chưa được công chứng, chứng thực chữ ký của người lập ra giấy tờ tài liệu này theo quy định tại khoản 2 Điều 478 BLTTDS. Tại phiên tòa ngày 09/7/2021, VKS đề nghị HĐXX tạm dừng phiên tòa để làm rõ nội dung này. Tại kết luận số 20 ngày 15/7/2021, xác định chữ ký, chữ viết tại hai văn bản mang tên chị Hoàng Thị H đúng là chữ ký, chữ viết của chị H. Vì vậy các văn bản này được coi là chứng cứ hợp pháp.

- Việc tổng đạt các văn bản tố tụng: đảm bảo được quyền lợi ích hợp pháp cho của nguyên đơn và bị đơn.

\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án tại chương 14 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, không có đương sự nào yêu cầu thay đổi Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án.

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

2. Về nội dung vụ án: Căn cứ điều 51, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Hoàng Văn S. Anh S được ly hôn với chị Hoàng Thị H

- Về nuôi con chung: Giao con chung Hoàng Diệu T, sinh ngày 28/6/2010 cho anh Hoàng Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh S không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét do đương sự không yêu cầu

giải quyết.

- Về án phí: anh Hoàng Văn S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Xét thấy tại thời điểm thụ lý vụ án, căn cứ văn bản ngày 11/8/2020 của Chị Hoàng Thị H đã cung cấp địa chỉ của chị H và anh Hoàng Văn S đã nộp theo đơn khởi kiện, căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số:04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Căn cứ Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh B.

Chị Hoàng Thị H có đơn xin đề nghị giải quyết vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt chị Hoàng Thị H.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ lời khai của ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H xác định con gái là Hoàng Thị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ năm 2015 đến nay vẫn tiếp tục lao động tại Nhật Bản, vẫn thường xuyên liên lạc với chị Hoàng Thị H.

- Lời khai của anh Hoàng Văn S khẳng định chị Hoàng Thị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ năm 2015 đến nay vẫn lao động bất hợp pháp tại Nhật Bản.

- UBND xã Q khẳng định chị Hoàng Thị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ năm 2015 cho đến nay không trở về địa phương.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2021, ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H gọi điện trực tiếp cho chị Hoàng Thị H, có mặt những người chứng kiến, chị Hoàng Thị H khẳng định các văn bản gửi cho Tòa án do đúng chị H viết và ký xác nhận, đồng thời tiếp tục khẳng định lại các nội dung đã xác nhận trong các văn bản gửi cho Tòa án và đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Các văn bản đề ngày 11/8/2020 và văn bản gửi cho Tòa án chị Hoàng Thị H đều thống nhất các vấn đề ly hôn, con chung và tài sản chung, khoản nợ chung khẳng định hiện nay đang lao động tại Nhật Bản.

- Tại văn bản đề ngày 11/8/2020, chị Hoàng Thị H đã trình bày rõ hiện nay chỗ ở hiện tại là: “Saitammaken HiKi - Gun Namegawa - Chooa sahanee 4947-Banchi6- Nhật Bản”, đây là tình tiết do chị Hoàng Thị H thừa nhận và hoàn toàn phù hợp với lời khai của bố mẹ đẻ của chị Hoàng Thị H và văn bản làm việc ngày 07/7/2021 và lời khai của anh Hoàng Văn S.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

Căn cứ kết luận giám định số: 02/KTHS-GĐTL ngày 15/7/2021 của Phòng kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận chữ ký H và chữ viết Hoàng Thị H trong các văn bản cung cấp cho Tòa án đúng là của chị Hoàng Thị H đã ký trong giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

Xét về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh S, hội đồng xét xử nhận định: quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Văn S khẳng định từ năm 2010 kết hôn cho đến năm 2015 tình cảm và quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng diễn ra bình thường. Năm 2015 sau khi đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì hai vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm đến nhau, nhưng sau 01 năm khi hết thời hạn làm việc thì chị H không trở về địa phương, đồng thời cũng cắt đứt mọi liên lạc với anh S.

Như vậy tình trạng mâu Tẫn của hai vợ chồng trong khoảng thời điểm sau năm 2015 sau khi chị Hoàng Thị H đi xuất khẩu lao động, chị Hoàng Thị H đã đi ra khỏi nhà, khỏi địa phương từ năm 2015 không trở về địa phương, do vậy nếu có mâu Tẫn chính quyền địa phương cũng không có căn cứ để xác định.

Anh S cũng khẳng định tại phiên tòa có mâu Tẫn nhưng không đề nghị gia đình, chính quyền giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Trước khi thụ lý vụ án, chị H đã có văn bản nhất trí ly hôn với anh S, quá trình giải quyết vụ án chị H cũng khẳng định đã nhận được các văn bản thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải và thời điểm mở phiên tòa nhưng không về được và đề nghị xử vắng mặt và nêu rõ quan điểm ly hôn. Tại văn bản ngày 07/7/2021 chị H một lần nữa khẳng định thống nhất yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn S.

Căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyện vọng xin ly hôn của chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Văn S là nguyên tắc tự định đoạt của đương sự và thực tế hai bên đương sự đã không còn quan tâm thương yêu, giúp đỡ, chia sẻ công việc trong gia đình, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt do vậy căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn S, xử cho anh Hoàng Văn S được ly hôn với chị Hoàng Thị H.

3. Về con chung: các bên đương sự thống nhất giao con chung là cháu Hoàng Diệu T - sinh ngày 28/6/2010 cho anh Hoàng Văn S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, chị H nhất trí. Về cấp dưỡng nuôi con chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

Xét thấy cháu Hoàng Diệu T đề nghị được sống cùng với bố là anh Hoàng Văn S.

Các tài liệu xác minh do thôn C và UBND xã Q cung cấp: trong thời gian nuôi dưỡng cháu T, anh S không có hành vi ngược đãi, không có hành vi xâm phạm quyền và lợi ích của cháu T.

Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa Tận của các bên đương sự phù hợp với

quy định của Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

4. *Về tài sản chung, khoản nợ chung*: anh Hoàng Văn S và chị H thống nhất: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Tòa án không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Anh Hoàng Văn S tự nguyện chịu toàn bộ án phí vụ kiện.

6. *Về chi phí giám định*: Tổng chi phí giám định với số tiền: 4.860.000đ (bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng), anh Hoàng Văn S tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định. Xác nhận anh S đã nộp toàn bộ chi phí giám định.

Vì các lý lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 37; Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 464 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn S được ly hôn với chị Hoàng Thị H.

2. Về con chung: Anh Hoàng Văn S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hoàng Diệu T - sinh ngày 28/6/2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

Chị Hoàng Thị H được quyền thăm non con chung theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, khoản nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về chi phí giám định: Chi phí giám định với số tiền: 4.860.000đ (bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng), anh Hoàng Văn S tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định. Xác nhận anh S đã nộp toàn bộ chi phí giám định.

5. Về án phí: Anh Hoàng Văn S phải chịu án phí ly hôn với số tiền: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp với số tiền: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo các biên lai số 02074 - ngày 19/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh B.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Anh Hoàng Văn S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Hoàng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh B (2);
- Các đương sự(5);
- TAND cấp cao tại N (1);
- THADS (1);
- Phòng KTNV (1);
- Lưu Hồ sơ vụ án (1);
- Lưu HCTP (3).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Hữu Truyền**

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Anh Hoàng Văn S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.



Chị Hoàng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Cà Nguyễn Duyên - Vi Thanh Cẩm**

**Hoàng Hữu Truyền**